

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tiến	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/12/2011)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên, Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Điều	Thành viên
Ông Lê Văn Tường	Thành viên, Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tâm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Điền	Thành viên
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên

2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

TRƯƠNG VẠN THÀNH
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 02 năm 2012

Số: 144/BCKT-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 17 kèm theo, được lập vào ngày 19 tháng 02 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 19 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN ANH TUẤN

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Tài sản ngắn hạn	100		32.972.808.970	28.774.281.333
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	1.650.976.663	1.925.735.634
1. Tiền	111		1.650.976.663	1.925.735.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5	12.199.238.641	12.619.454.450
1. Phải thu khách hàng	131		11.797.550.493	6.464.065.697
2. Trả trước cho người bán	132		23.158.000	4.575.249.349
3. Các khoản phải thu khác	135		626.472.729	1.713.393.742
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(247.942.581)	(133.254.338)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	6	16.285.275.980	11.945.437.650
1. Hàng tồn kho	141		16.285.275.980	11.945.437.650
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.837.317.686	2.283.653.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	106.706.632	112.600.029
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		145.580.451	125.342.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.585.030.603	2.045.711.516
B. Tài sản dài hạn	200		29.094.446.224	33.782.479.663
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		10.470.656.948	10.513.344.102
1. TSCĐ hữu hình	221	9	5.776.423.329	6.102.488.483
- Nguyên giá	222		10.374.798.160	8.993.932.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.598.374.831)	(2.891.444.219)
2. TSCĐ vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		48.000.000	48.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.000.000)	(48.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	4.694.233.619	4.410.855.619
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	12	17.669.856.741	18.277.128.741
1. Nguyên giá	241		20.849.332.160	20.849.332.160
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.179.475.419)	(2.572.203.419)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	13	880.000.000	4.880.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	4.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.250.000.000	2.250.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		880.000.000	880.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		73.932.535	112.006.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	73.932.535	112.006.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.067.255.194	62.556.760.996

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. Nợ phải trả	300		26.563.053.456	26.942.800.636
I. Nợ ngắn hạn	310		25.410.607.455	26.069.389.116
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	6.341.286.044	17.256.864.600
2. Phải trả cho người bán	312	16	11.091.520.895	6.100.524.322
3. Người mua trả tiền trước	313	16	1.106.445.307	74.148.899
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	17	1.217.163.802	478.562.854
5. Phải trả công nhân viên	315		151.039.510	306.192.648
6. Chi phí phải trả	316		2.296.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	5.236.361.289	1.580.677.316
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		264.494.608	272.418.477
II. Nợ dài hạn	330		1.152.446.001	873.411.520
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	31.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	884.733.000	656.197.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		52.473.000	52.473.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		215.240.001	133.741.520
B. Vốn chủ sở hữu	400		35.504.201.738	35.613.960.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	35.504.201.738	35.613.960.360
1. Vốn điều lệ	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.225.799.411	2.075.799.411
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		761.575.364	461.575.364
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.516.826.963	3.076.585.585
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.067.255.194	62.556.760.996
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			422,47	421,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

VŨ THỊ LÝ

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 02 năm 2012

TRƯƠNG VĂN THÀNH

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		170.485.173.233	127.625.418.506
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	170.485.173.233	127.625.418.506
4. Giá vốn hàng bán	11		154.878.932.777	115.909.995.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.606.240.456	11.715.423.027
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.422.052.476	388.901.907
7. Chi phí tài chính	22	23	2.906.596.854	1.960.737.326
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.906.596.854	2.011.103.326
8. Chi phí bán hàng	24	24	9.911.555.329	5.634.864.825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	3.328.306.041	3.387.541.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.881.834.708	1.121.181.482
11. Thu nhập khác	31	26	5.957.393.070	4.734.386.047
12. Chi phí khác	32	27	4.446.880.800	1.699.483.214
13. Lợi nhuận khác	40		1.510.512.270	3.034.902.833
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.392.346.978	4.156.084.315
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	28	875.520.015	1.079.460.730
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.516.826.963	3.076.623.585
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	29	839	1.380

VŨ THỊ LÝ
Kế toán trưởng
 Ngày 19 tháng 02 năm 2012

TRƯƠNG VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.392.346.978	4.156.084.315
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.559.608.694	1.663.437.044
Các khoản dự phòng	03	114.688.243	(800.802.520)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(2.427.535.593)	(2.013.473.684)
Chi phí lãi vay	06	2.906.596.854	2.011.103.326
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	6.545.705.176	5.016.348.481
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(254.029.918)	7.234.449.156
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.339.838.330)	(6.427.968.480)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	9.719.706.939	(3.033.158.841)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	43.967.682	50.794.217
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.904.300.854)	(2.371.215.909)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(315.983.709)	(1.766.012.130)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(234.509.454)	(2.192.664.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.260.717.532	(3.489.428.415)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.756.770.728)	(2.920.663.893)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	3.983.772.727	1.140.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	599.383.096
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	290.884.054	286.138.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.517.886.053	(895.142.585)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	9.667.530.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	124.700.703.630	105.751.792.862
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(135.387.746.186)	(107.621.652.685)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.366.320.000)	(2.134.947.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.053.362.556)	5.662.723.177
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(274.758.971)	1.278.152.177
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.925.735.634	647.583.457
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.650.976.663	1.925.735.634

VŨ THỊ LÝ
 Kế toán trưởng
 Ngày 19 tháng 02 năm 2012

TRƯƠNG VẠN THÀNH
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2603000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 19 tháng 5 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ 30.000.000.000 VND

Văn phòng chính đặt tại số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Lĩnh vực kinh doanh

Ngành dịch vụ, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng nhà các loại. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Điều hành tua du lịch. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Kinh doanh các mặt hàng bách hóa, vải sợi may mặc, văn phòng, thiết bị nội thất, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, nông sản, rượu bia, nước ngọt, thuốc lá, lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp, điện máy, điện tử, điện lạnh;
- Bán ô tô, xe máy. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao năm
Nhà cửa, vật kiết trúc	02 - 20
Trang thiết bị	02 - 08
Thiết bị máy tính	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 03 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá không theo giá trị hợp lý. Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 20 -36 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc doanh nghiệp đã lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên. Kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 2% và 1% từ lương công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế của các hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chia cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	1.244.880.421	698.423.273
Tiền gửi ngân hàng	406.096.242	1.227.312.361
Cộng	1.650.976.663	1.925.735.634
5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	31/12/2011	01/01/2011
Phải thu khách hàng	11.797.550.493	6.464.065.697
Trả trước cho người bán	23.158.000	4.575.249.349
Phải thu khác	626.472.729	1.713.393.742
Cộng	12.447.181.222	12.752.708.788
Dự phòng phải thu khó đòi	(247.942.581)	(133.254.338)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	12.199.238.641	12.619.454.450
6. HÀNG TỒN KHO	31/12/2011	01/01/2011
Công cụ, dụng cụ trong kho	51.845.029	74.138.860
Hàng hóa tồn kho	16.233.430.951	11.871.298.790
Cộng	16.285.275.980	11.945.437.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần hàng có thể thực hiện được của tồn kho	16.285.275.980	11.945.437.650
7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	31/12/2011	01/01/2011
Công cụ dụng cụ	73.205.214	74.578.499
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.501.418	38.021.530
Cộng	106.706.632	112.600.029
8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
Tạm ứng nhân viên	75.030.603	35.711.516
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.510.000.000	2.010.000.000
Cộng	2.585.030.603	2.045.711.516

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Tại ngày 01/01/2011	2.081.249.750	2.835.398.781	3.500.221.003	577.063.168	8.993.932.702
Tăng	4.000.000.000	-	1.473.392.728	-	5.473.392.728
Giảm	(4.000.000.000)	(55.816.840)	(36.710.430)	-	(4.092.527.270)
Tại ngày 31/12/2011	2.081.249.750	2.779.581.941	4.936.903.301	577.063.168	10.374.798.160
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01/01/2011	877.801.706	1.112.585.661	602.169.025	298.887.827	2.891.444.219
Tăng	438.538.864	405.051.781	1.032.853.152	75.892.897	1.952.336.694
Giảm	(208.695.652)	-	(36.710.430)	-	(245.406.082)
Tại ngày 31/12/2011	1.107.644.918	1.517.637.442	1.598.311.747	374.780.724	4.598.374.831
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	1.203.448.044	1.722.813.120	2.898.051.978	278.175.341	6.102.488.483
Tại ngày 31/12/2011	973.604.832	1.261.944.499	3.338.591.554	202.282.444	5.776.423.329

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 596.039.802 đồng.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2011
Phần mềm kế toán				
Nguyên giá	48.000.000	-	-	48.000.000
Khấu hao lũy kế	(48.000.000)	-	-	(48.000.000)
Giá trị còn lại	-	-	-	-

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2011	01/01/2011
Công trình tổ hợp khách sạn, nhà hàng, siêu thị Bắc Cầu Hạc	4.689.233.619	4.410.855.619
Kho 25 Lê Lợi	5.000.000	-
Cộng	4.694.233.619	4.410.855.619

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2011
Nhà, siêu thị				
Nguyên giá	20.849.332.160	-	-	20.849.332.160
Khấu hao lũy kế	(2.572.203.419)	(607.272.000)	-	(3.179.475.419)
Giá trị còn lại	18.277.128.741	(607.272.000)	-	17.669.856.741

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		31/12/2011	01/01/2011
Đầu tư vào công ty con	13.01	-	4.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	13.02	2.250.000.000	2.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	13.03	880.000.000	880.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	13.02	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Cộng		880.000.000	4.880.000.000

13.01. Khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Tân Sơn chiếm 80% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần cho Công ty TNHH Thương mại Sơn Thanh Phong.

13.02. Khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hóa chiếm 25% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông bất thường ngày 13/11/2009 của Công ty CP Phát triển Siêu thị Hapro Thanh Hóa đã thống nhất ngừng hoạt động kinh doanh do bị thua lỗ nên Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn này.

13.03. Khoản ủy thác cho Tập Đoàn Sông Đà góp vốn vào Công ty CP Cao su Tân Biên Kampong Thom.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN		31/12/2011	01/01/2011
Công cụ dụng cụ		73.932.535	112.006.820
Cộng		73.932.535	112.006.820

Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 12 tháng đến 36 tháng.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN		31/12/2011	01/01/2011
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	(15.01)	5.431.630.844	4.906.019.343
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Thanh Hóa	(15.02)	499.040.000	9.484.056.412
Vay quỹ công đoàn		45.000.000	25.000.000
Vay Quỹ Sông Đà		35.000.000	35.000.000
Vay cá nhân	(15.03)	220.615.200	300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		110.000.000	2.506.788.845
Cộng		6.341.286.044	17.256.864.600

15.01. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 11.062.001/HĐTD ngày 16/11/2011 với hạn mức vay là 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 18%/năm.

15.02. Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 3500LAV200808530 ngày 16/11/2011 với hạn mức vay là 16.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 17,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa.

15.03. Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng không kỳ hạn với lãi suất tính theo lãi suất tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC	31/12/2011	01/01/2011
Phải trả người bán	11.091.520.895	6.100.524.322
Người mua trả trước	1.106.445.307	74.148.899
Cộng	12.197.966.202	6.174.673.221
17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	31/12/2011	01/01/2011
Thuế TNDN phải nộp	1.148.988.187	450.675.793
Thuế thu nhập cá nhân	68.175.615	27.887.061
Cộng	1.217.163.802	478.562.854
18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp	229.365	-
Kinh phí công đoàn	35.587.666	19.095.858
Phải trả cổ tức cho cổ đông	33.680.000	-
Cổ phần bán cho người nghèo	98.800.000	98.800.000
Công ty TNHH TM Sơn Thanh Phong (*)	4.964.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải trả khác	104.064.258	62.781.458
Cộng	5.236.361.289	1.580.677.316
(*) Khoản nhận vốp góp đầu tư xây dựng dự án tổ hợp khách sạn - nhà hàng - siêu thị Bắc Cầu Hạc theo biên bản làm việc ngày 30/9/2011.		
19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2011	01/01/2011
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Thanh Hóa (*)	850.250.000	2.634.988.845
Vay cá nhân (**)	144.483.000	527.997.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(110.000.000)	(2.506.788.845)
Cộng	884.733.000	656.197.000

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Thanh Hóa theo hợp đồng số 3500201101513/HĐTD ngày 14/4/2011 với thời hạn vay là 48 tháng, và hợp đồng tín dụng số 20100954/HĐTD ngày 03/12/2010 với thời hạn vay là 45 tháng, lãi suất cho vay lần lượt bằng 220% và 190% lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố theo từng thời kỳ. Tài sản thế chấp là xe tải HOWO.

(**) Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng không kỳ hạn với lãi suất tính theo lãi suất tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2011
Vốn điều lệ	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.075.799.411	300.000.000	-	2.375.799.411
Quỹ dự phòng tài chính	461.575.364	150.000.000	-	611.575.364
Lợi nhuận chưa phân phối	3.076.585.585	2.516.826.963	(3.076.585.585)	2.516.826.963
Cộng	35.613.960.360	2.966.826.963	(3.076.585.585)	35.504.201.738

Chi tiết vốn điều lệ

	Tại ngày 31/12/2011			Tại ngày 01/01/2011	
	Tỷ lệ (%)	Số lượng CP	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)	Giá trị vốn góp
Tập đoàn Sông Đà	50,80%	1.524.100	15.241.000.000	50,80%	15.241.000.000
Các cổ đông khác	49,20%	1.475.900	14.759.000.000	49,20%	14.759.000.000
Cộng	100%	3.000.000	30.000.000.000	100%	30.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
Trích quỹ đầu tư phát triển	300.000.000	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	150.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	226.585.585	-
Chia lợi nhuận cho các cổ đông	2.400.000.000	2.134.947.000
Cộng	3.076.585.585	2.134.947.000

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa	164.395.592.632	121.608.429.987
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.089.580.601	6.016.988.519
Cộng	170.485.173.233	127.625.418.506
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	170.485.173.233	127.625.418.506

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	Năm 2011	Năm 2010
22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi ngân hàng	290.884.054	272.506.212
Chiết khấu thanh toán	60.030.422	102.763.695
Doanh thu bán cổ phiếu	2.000.000.000	-
Cổ tức được chia	-	13.632.000
Doanh thu tài chính khác	71.138.000	-
Cộng	2.422.052.476	388.901.907
23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Chi phí lãi vay	2.906.596.854	2.011.103.326
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán	-	(358.263.096)
Lỗ bán chứng khoán	-	307.897.096
Cộng	2.906.596.854	1.960.737.326
24. CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Chi phí nhân viên	3.642.459.353	2.668.900.840
Chi phí vật liệu, bao bì	858.517.664	103.246.962
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	333.360.258	205.481.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.284.006.729	431.587.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.088.948.754	927.517.853
Chi phí bằng tiền khác	1.704.262.571	1.298.130.353
Cộng	9.911.555.329	5.634.864.825
25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên quản lý	1.339.788.431	1.244.711.745
Chi phí vật liệu quản lý	109.789.703	113.772.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.189.304	181.398.901
Chi phí khấu hao TSCĐ	668.329.965	604.803.856
Thuế, phí và lệ phí	226.992.720	231.150.972
Chi phí dự phòng	120.563.438	115.014.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.415.593	323.568.458
Chi phí bằng tiền khác	679.236.887	573.119.506
Cộng	3.328.306.041	3.387.541.301
26. THU NHẬP KHÁC		
Tiền điện cho thuê mặt bằng	460.067.437	584.866.176
Thanh lý tài sản cố định	3.983.772.727	1.140.000.000
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	164.392.721
Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định góp vốn	-	1.507.043.224
Xử lý công nợ phải trả	-	181.065.443
Hỗ trợ bán hàng	1.511.902.839	1.154.543.723
Các khoản thu nhập khác	1.650.067	2.474.760
Cộng	5.957.393.070	4.734.386.047

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA SÔNG ĐÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

27. CHI PHÍ KHÁC	Năm 2011	Năm 2010
Tiền điện cho thuê mặt bằng	402.360.910	563.839.126
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.852.099.610	919.707.752
Xử lý công nợ phải thu	82.687.200	39.944.939
Các khoản chi phí khác	109.733.080	175.991.397
Cộng	4.446.880.800	1.699.483.214
28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận trước thuế	3.392.346.978	4.156.084.315
Các khoản điều chỉnh tăng	109.733.080	175.390.605
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(13.632.000)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.502.080.058	4.317.842.920
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	875.520.015	1.079.460.730
29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.516.826.963	3.076.623.585
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	2.230.013
Cổ phiếu lưu hành từ đầu năm	3.000.000	2.033.247
Quy đổi số cổ phiếu lưu hành bình quân do phát hành thêm hoặc mua lại	-	196.766
+ Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	-	966.753
+ Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	839	1.380
30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên vật liệu	1.191.877.922	308.728.128
Chi phí nhân viên	4.982.247.784	3.913.612.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.559.608.694	1.663.437.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.235.364.347	1.251.086.311
Các khoản chi phí khác	2.731.055.616	2.217.415.732
Cộng	13.700.154.363	9.354.279.800

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Cho đến thời điểm này, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

VŨ THỊ LÝ

Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 02 năm 2012

TRƯƠNG VẠN THÀNH

Tổng Giám đốc